TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 29/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Phan Hồng Sáng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Tên gọi khác: không

Nơi sinh: xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Công D (chết) và Mẹ: Trần Kim S sinh năm 1959; Chồng: Nguyễn Văn Q sinh năm 1983; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; Có 01 em sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình, lớn lên lập gia đình riêng và sinh sống tại địa phương cho đến nay.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/5/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Thái Văn Đ, sinh năm 1999. (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Quốc D, sinh năm 1989. (vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1993.

Đại diện theo ủy quyền của chị C: anh Đinh Quốc D, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: khu phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:* Nguyễn Thành N, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/02/2018, sau khi bán thịt heo dạo xong, Nguyễn Thị H đi bộ ngang nhà anh Thái Văn Đ sinh năm 1999 ở ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre thì phát hiện cửa hông nhà anh Đ không khóa và không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định H đi vào nhà thì thấy chiếc xe mô tô biển số 71C2-445.42 và chìa khóa xe để trên bàn nên lấy xe dẫn ra ngoài khởi động máy chạy về hướng thị trấn B. Đến khu vực xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre H mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong có giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Thái Văn Đ nên chạy xe 71C2-445.42 đến tiệm cầm đồ Tân C ở khu phố 1, thị trấn B cầm xe cho vợ chồng anh Đinh Quốc D được 25.000.000đ. Số tiền có được H tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu YAMAHA màu sơn bạc - đen, tem có chữ MX – KING, số loại JUPITER, biển số 71C2-445.42, số khung 0710GK162791, số máy G3E6E0219548, 01 chứng minh nhân dân số 321781296, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 021916 và 01 giấy phép lái xe số 830179003854 mang tên Thái Văn Đ; Cơ quan Điều tra đã xử lý giao trả cho anh Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL.ĐGTS ngày 26/02/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện B đã kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu sơn bạc – đen, số loại JUPITER, biển số 71C2 – 445.42 giá trị hiện tại là 40.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT – VKSHBT ngày 31/5/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm cáo trạng, truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Trộm cắp tài sản*", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ Luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả 01 xe mô tô hiệu YAMAHA màu sơn bạc - đen, tem có chữ MX – KING, số loại JUPITER, biển số 71C2-445.42, số khung 0710GK162791, số máy G3E6E0219548, 01 chứng minh nhân dân số 321781296, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 021916 và 01 giấy phép lái xe số 830179003854 mang tên Thái Văn Đ cho anh Đ.

+ Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

+ Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ số tiền 25.000.000đ do bị cáo giao trả và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Thái Văn Đ như đã nêu trên. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lao động nuôi con nhỏ.

Tại phiên tòa, người bị hại Thái Văn Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, Thái Văn Đ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện nuôi con.

Trong quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Quốc D đã nhận lại đủ số tiền 25.000.000đ nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị H là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Thái Văn Đ là 01 xe mô tô hiệu YAMAHA màu sơn bạc - đen, tem có chữ MX – KING, số loại JUPITER, biển số 71C2-445.42, giá trị tài sản chiếm đoạt là 40.000.000đ. Sự việc xảy ra vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/02/2018 tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

[2] Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện, hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, chỉ cần sơ hở là bị kẻ gian chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét nhân thân bị cáo thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, bị cáo chấp hành tốt Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Đồng thời để tạo điều kiện cho bị cáo lao động nuôi con nhỏ, nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy đề nghị của Kiểm sát viên, người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hiệu YAMAHA màu sơn bạc - đen, tem có chữ MX – KING, số loại JUPITER, biển số 71C2-445.42, số khung 0710GK162791, số máy G3E6E0219548, 01 chứng minh nhân dân số 321781296, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 021916 và 01 giấy phép lái xe số 830179003854 mang tên Thái Văn Đ, Cơ quan Điều tra đã giao trả cho anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ số tiền 25.000.000đ và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT)– Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 29/6/2018.

+ Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

+ Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri đã giao trả 01 xe mô tô hiệu YAMAHA màu sơn bạc - đen, tem có chữ MX – KING, số loại JUPITER, biển số 71C2-445.42, số khung 0710GK162791, số máy G3E6E0219548, 01 chứng minh nhân dân số 321781296, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 021916 và 01 giấy phép lái xe số 830179003854 mang tên Thái Văn Đ cho Thái Văn Đ.

- Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ số tiền 25.000.000đ và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Công an huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *Sở Tư pháp tỉnh B;*
- *UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre;*
- *Lưu*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Nhi